TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01-12-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn N, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Viết L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn N, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Viết L kết hôn năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện NC. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, nhiều lần anh L đi nhậu về kiếm chuyện đánh chị và dùng lời nói xúc phạm chị. Đã nhiều lần chị nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh L nhưng được hòa giải, động viên nên chị rút đơn cho anh L cơ hội để sửa chữa. Tuy nhiên, đến nay anh L không sửa chữa các khuyết điểm, nguyên nhân trên nên chị không thể sống để chịu đựng được nữa. Từ các mâu

thuẫn trên làm cho vợ chồng không nói chuyện với nhau đã 02 năm nay. Do đó, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Viết V, sinh ngày 27/02/2008 và Trần Thảo T, sinh ngày 26/01/2013. Sau khi ly hôn chị xác định nguyện vọng con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Hiện 02 con có nguyện vọng sống với chị nên chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 18/9/2020 và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Viết L trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, con chung theo chị N trình bày trên là đúng. Anh xác định trong quá trình chung sống thời gian đã lâu vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do lỗi của chị N và anh đánh chị N 02 bạt tay. Thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn thêm 02 lần và chị N làm đơn ly hôn với anh, sau đó hòa giải, thỏa thuận thì chị N rút đơn. Hiện anh và chị N vẫn còn sống chung nhà nhưng đã 02 năm nay vợ chồng không nói chuyện với nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn không lớn, anh rất trân trọng cuộc sống hôn nhân đang có nên không đồng ý ly hôn, tạm thời vợ chồng sống ly thân 01 năm để có thời gian thử thách và hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung tên Trần Viết V và cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Nếu giao con cho chị N nuôi dưỡng thì anh sẽ có trách nhiệm với các con.

Về tài sản chung và nợ chung anh xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Viết V và Trần Thảo T cho chị N nuôi dưỡng. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện kết hôn năm 2006 và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện NC nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Về mâu thuẫn thì chị N và anh L xác định quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng không nói chuyện với nhau đã 02 năm nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Qua xác minh cơ quan quản lý nhà nước về công tác gia đình tại địa phương là Ủy ban nhân dân thị trấn N không xác định được nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp dẫn đến việc ly hôn giữa chị N và anh L; theo chị N trình bày anh L thường xuyên đi nhậu về đánh chị, xúc phạm chị không rõ nguyên nhân. Anh L cho rằng khi phát sinh mâu thuẫn lần đầu do lỗi của chị N thì có đánh chị N 01 lần 02 bạt tay, các lần còn lại chỉ dừng lại ở mức độ cự cải.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Như vậy, trước đây anh L có đánh chị N 01 lần, tuy không gây thương tích nhưng hành vi của anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nghiêm trọng hơn, thời gian gần 02 năm nay anh chị không nói chuyện, trao đổi với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau công việc trong gia đình là cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Ngược lại, giữa anh chị lại thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cải, không đồng thuận trong cuộc sống, làm cho chị N nhiều lần đưa đơn ly hôn với anh L ra Tòa án và gia đình hai bên hàn gắn tình cảm cho anh chị 01 lần, nhưng đến nay kết quả anh chị vẫn không thể khắc phục được các mâu thuẫn đã phát sinh trong quá trình chung sống. Ngoài ra, tại phiên tòa chị N xác định hiện không còn tình cảm với anh L và cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn chung sống lại với nhau hoặc sống ly thân như quan điểm của anh L đặt ra. Từ các căn cứ trên, có cơ sở cho rằng đời sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là đúng quy định pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Trần Viết V, sinh ngày 27/02/2008 và Trần Thảo T, sinh ngày 26/01/2013 hiện do anh chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh L xác định nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu mỗi người nuôi 01 cháu, anh được quyền nuôi dưỡng cháu V. Qua tranh tụng xét thấy anh chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng 02 con chung và quyền nuôi con là ngang nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Qua xác minh nguyện vọng của cháu Trần Thảo T và 02 lần xác minh nguyện vọng của cháu Trần Viết V đều xin được ở với chị N. Căn cứ vào nguyện vọng 02 con chung của anh chị và

điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị N, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu và quan hệ tình cảm giữa 02 cháu đối với chị N, giao 02 cháu cho chị N nuôi dưỡng, đảm bảo trong thời gian tới cho 02 cháu có cuộc sống ổn định, có điều kiện được phát triển tốt về thể chất, tinh thần là có căn cứ.

[3] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Viết L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Viết V, sinh ngày 27/02/2008 và Trần Thảo T, sinh ngày 26/01/2013 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị N phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007297 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Chị N và anh L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn N (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên